

Bản án số: 09/2024/HNGĐ - ST
Ngày 20 tháng 02 năm 2024
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông.

2. Ông Dương Xuân Tiến.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị An – Thư ký Toà án nhân dân huyện VT.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên toà:** Ông Lê Nhật Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VT, tỉnh VP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 303/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXX - ST ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị T.T.N, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm NM, xã YL, huyện PL, tỉnh TN (có mặt).

Bị đơn: Anh K.T.L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn PY 1, xã YL, huyện VT, tỉnh VP (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2023, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị T.T.N trình bày:

Chị kết hôn với anh K.T.L ngày 10 tháng 02 năm 2023 có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã YL, huyện VT, tỉnh VP. Trước khi kết hôn với anh L, chị N đã từng kết hôn một lần và đã ly hôn năm 2019, chị N và người chồng trước có với nhau 02 con chung. Sau ngày cưới chị N về nhà anh L làm dâu luôn và sống chung cùng gia đình mẹ chồng chưa được một tháng thì vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L

ghen tuông, luôn cho rằng giữa chị và người chồng cũ vẫn còn mối quan hệ tình cảm và chị N vẫn lén lút quan hệ ngoài luồng với chồng cũ mặc dù bản thân chị hoàn toàn không có liên lạc gì với chồng cũ. Khi ghen tuông anh L đã chửi bới xúc phạm gia đình chị và đánh chị. Do không thể tiếp tục cuộc sống như vậy nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ ngày 10 tháng 3 năm 2023. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân giữa chị và anh L cũng như hai bên gia đình không có dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.T.L. Việc chị làm đơn xin ly hôn anh L là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Về con chung: Vợ chồng anh chị không có con chung.

Về con riêng: Chị N có hai con riêng là H.T.Y, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2024 và H.T.U, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2010. Con H.T.Y đã thành niên và có gia đình riêng. Con H.T.U hiện đang ở cùng chị tại xóm NM, xã YL, huyện PL, tỉnh TN. Con riêng của chị không liên quan gì tới anh L, ly hôn chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con riêng của chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức lao động: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh K.T.L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh L nhưng anh L đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị N đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh L là bị đơn đã nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình: Cho chị T.T.N được ly hôn anh K.T.L. Về con chung: Chị N, anh L không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức lao động các bên đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị T.T.N xin ly hôn anh K.T.L. Anh L có địa chỉ tại thôn PY 1, xã YL, huyện VT, tỉnh VP. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh K.T.L, quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án về địa phương làm việc, lấy lời khai của chị N.T.T.H là em dâu ở cùng nhà với anh L. Chị H trình bày: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh L. Trực tiếp chồng chị là anh K.T.T và chị nhận các giấy tờ trên hộ anh L. Trực tiếp chị H đã thông báo nội dung các giấy tờ trên bằng điện thoại cho anh L, sau đó chị H đã gửi trực tiếp các giấy tờ trên cho anh L để anh L sắp xếp công việc đến Tòa án làm việc, tuy nhiên anh L không đến Tòa án làm việc. Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh L. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Tại phiên tòa hôm nay anh L vẫn vắng mặt do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị N và anh L là tự nguyện có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau kết hôn chị N về gia đình anh L làm dâu trong thời gian ngắn khoảng một tháng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L ghen tuông cho rằng giữa chị N và người chồng cũ của chị vẫn còn mối quan hệ tình cảm, chị vẫn lén lút quan hệ ngoài luồng với chồng cũ. Khi ghen tuông anh L đã chửi gia đình chị và đánh chị. Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị từ ngày 10 tháng 3 năm 2023. Chị N.T.T.H là em dâu anh L sống cùng nhà với anh L cũng xác nhận theo chị vợ chồng anh L, chị N thường xuyên cãi nhau về vấn đề tình cảm, có lúc chửi nhau. Xác minh tại UBND xã YL cho biết chị N, anh L kết hôn với nhau ngày 10/02/2023 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị N về nhà anh L chung sống cùng gia đình anh L đến tháng 3 năm 2023 chị N không còn sống ở địa phương, chị N, anh L sống ly thân từ đó đến nay. Về con chung: Chị N, anh L không có con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức lao động: Do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở nên địa phương không nắm được. Anh L có

hộ khẩu thường trú tại thôn PY 1, xã YL, huyện VT, tỉnh VP hiện nay anh L chưa cắt khẩu khỏi địa phương. Chị N làm đơn xin ly hôn anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng mâu thuẫn chị N về nhà mẹ đẻ ở từ ngày 10/3/2023 chỉ sau ngày kết hôn một tháng nguyên nhân mâu thuẫn do chị N khai là do anh L ghen tuông cho rằng chị N và người chồng cũ của chị vẫn còn mối quan hệ tình cảm, chị vẫn lén lút quan hệ ngoài luồng với chồng cũ trùng với quan điểm của chị H em dâu anh L sống cùng nhà với anh L, chị H trình bày mâu thuẫn vợ chồng anh L, chị N là mâu thuẫn về vấn đề tình cảm. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh L là phù hợp.

Về con chung: Chị N, anh L không có con chung.

Về con riêng: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức lao động: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh L không đến Tòa không rõ quan điểm ra sao nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng việc kiện dân sự khác.

Từ những phân tích, nhận định trên thấy quan điểm của Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T.T.N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị T.T.N được ly hôn anh K.T.L.

Về con chung: Không có; Về tài sản chung, về con riêng, tài sản riêng, công nợ, công sức lao động: Chị T.T.N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T.T.N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0000029 ngày 06/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VT, chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ

ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện VT;
- CCTHADS huyện VT;
- Các đương sự;
- UBND xã YL;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Duẩn

